

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2019
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Tân Nghị

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị N, sinh năm 1975; có mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng

Bị đơn: Ông Hồ Thanh D, sinh năm 1974; có mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị N và ông Hồ Thanh D xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng sống tại thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đ. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D nhiều lần xúc phạm, đánh đập bà N, bà N đã cam chịu sống để nuôi dạy con cái. Nay bà không thể tiếp tục sống chung với ông D nữa. Bà không còn tình cảm và thương yêu ông D, xét mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Hồ Thanh D.

Về quan hệ con chung: Bà N và ông D có 04 con chung là Hồ Thanh L, sinh năm 1997; Hồ Thị P, sinh năm 2000; Hồ Thanh T; sinh ngày 18/5/2002 và Hồ Thanh C, sinh ngày 10/8/2012. Ly hôn, bà N xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Hồ Thanh T và Hồ Thanh C đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi. Yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng (750.000đ/con/tháng). Đối với hai con Hồ Thanh L và Hồ Thị P đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà N xác định giữa bà và ông D không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2019, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Hồ Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Thanh D xác nhận và thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gia xây dựng gia đình, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, địa điểm sinh sống như trên là đúng. Quá trình sống chung giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông D là do ông hay uống rượu về la vợ, vì thương vợ nên hay ghen tuông vô cớ. Bà N đã đưa các con bỏ nhà ra sống riêng hơn 4 tháng. Mặc dù vậy, nhưng ông vẫn còn thương yêu bà N, muốn vợ chồng về chung sống với nhau để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nên bà N xin ly hôn, ông xin được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Ông D xác nhận giữa ông và bà N có 04 con chung là Hồ Thanh L, sinh năm 1997; Hồ Thị P, sinh năm 2000; Hồ Thanh T, sinh ngày 18/5/2002 và Hồ Thanh C, sinh ngày 10/8/2012. Do ông xin đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con Hồ Thanh T và Hồ Thanh C đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai con Hồ Thanh L và Hồ Thị P đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông D xác nhận giữa ông với và bà N không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 56; khoản 1 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị N đối với ông Hồ Thanh D.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phùng Thị N được ly hôn với ông Hồ Thanh D.

Về quan hệ con chung:

- Đối với con Hồ Thanh L, sinh năm 1997; Hồ Thị P, sinh năm 2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

- Đối với con Hồ Thanh T, sinh ngày 18/5/2002 và Hồ Thanh C, sinh ngày 10/8/2012 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà Phùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông D cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng (750.000đ/con/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt các con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Bà N và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Phùng Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phùng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Hồ Thanh D, trú tại: Thôn D, xã H, huyện H, TP. Đ và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Bà Phùng Thị N và ông Hồ Thanh D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng vào năm 1996 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau hai người đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D là người thường xuyên uống rượu, xúc phạm, đánh đập bà N, bà N đã sống cam chịu để nuôi dạy con cái, nay bà thấy tình cảm vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, hai người đã sống ly thân. Qua hai lần hòa giải ông D muốn níu kéo hạnh phúc gia đình để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm. Bà N vẫn cương quyết ly hôn với ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà N và ông D không có đời sống hôn nhân hạnh phúc, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 09/9/2019 của Tòa án thể hiện tình cảm giữa ông D và bà N đã thực sự rạn nứt, hiện hai người không còn sống chung. Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng

không có kết quả. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông Hồ Thanh D là hợp lý.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông D xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Hồ Thanh L, sinh năm 1997; Hồ Thị P, sinh năm 2000; Hồ Thanh T, sinh ngày 18/5/2002 và Hồ Thanh C, sinh ngày 10/8/2012. Ly hôn, cả ông D và bà N đều xin được nuôi hai cháu Hồ Thanh T và Hồ Thanh C. Đối với hai cháu Hồ Thanh L và Hồ Thị P đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Xét nguyện vọng của bà N và ông D thì thấy: Cả bà N và ông D đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con cũng như có quyền nuôi con. Tuy nhiên, cả hai con hiện đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với bà N, khi xảy ra mâu thuẫn hai con đã đi theo bà N sinh sống, ông D là người thường xuyên uống rượu say xỉn, đũa đánh con cái ra khỏi nhà. Để đảm bảo việc phát triển tốt nhất về mọi mặt cho các con, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao hai con Hồ Thanh T và Hồ Thanh C cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên không chấp nhận ý kiến của ông D.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng (750.000đ/con/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà N là phù hợp nên chấp nhận.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N và ông D không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà N và ông D xác nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ sơ thẩm, bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông D phải chịu theo quy định của pháp luật

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị N đối với ông Hồ Thanh D về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phùng Thị N được ly hôn với ông Hồ Thanh D.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con Hồ Thanh T, sinh ngày 18/5/2002 và Hồ Thanh C, sinh ngày 10/8/2012 cho bà Phùng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt mỗi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Hồ Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng (750.000đ/con/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi lần lượt mỗi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Phùng Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại biên lai thu số 0002342 ngày 13/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà N đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con, ông Hồ Thanh D phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 20/9/2019.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh